

Cách tính Thuế thị dân
Dành cho Người nước ngoài

ベトナム語版

Thành phố Nagoya

Thuế thị dân

Người có nghĩa vụ nộp thuế

Người nước ngoài có địa chỉ tại Nhật Bản vào ngày 1 tháng 1 (kỳ hạn đánh thuế) phải nộp thuế thị dân cho thành phố nơi người đó sinh sống tại thời điểm ngày 1 tháng 1 đó đối với phần thu nhập nhận được từ tháng 1 tới tháng 12 của năm trước đó.

Thuế thị dân là thuế thu bởi địa phương, được đánh thuế riêng, tách biệt với thuế thu nhập của nhà nước, được chia thành Thuế Thị dân của Thành phố và Thuế Thị dân của Tỉnh. Ngoài ra, thuế môi trường rừng, là thuế của nhà nước cũng được gộp chung để đánh thuế. Số tiền phải nộp đối với thuế thị dân khác nhau tùy thuộc vào tiền lương và số người phụ thuộc,

Phương thức nộp thuế

Nộp thuế thị dân và thuế môi trường rừng cho thu nhập trong năm trước bằng một trong các phương thức sau:

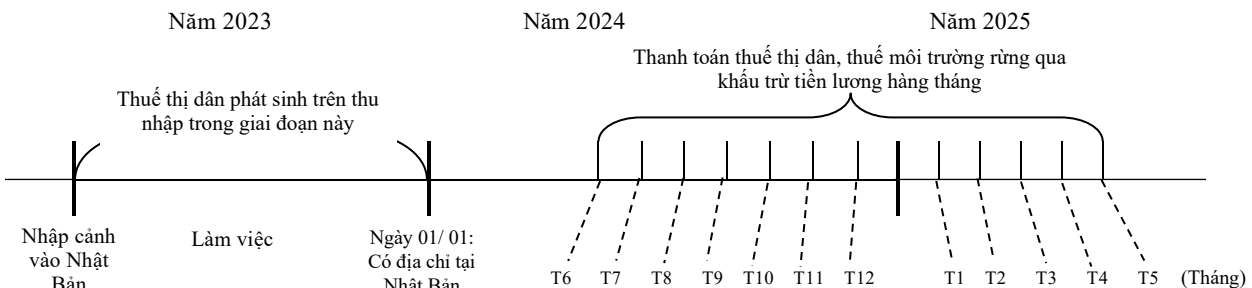
- Công ty khấu trừ thuế từ tiền lương hàng tháng từ tháng 6 đến tháng 5 năm sau.
- Bạn tự thực hiện việc đóng thuế thông qua "Hoá đơn thanh toán" (NOFUSHO), được phát hành bởi Cơ quan Thuế Thành phố phụ trách Quận nơi bạn sinh sống tại thời điểm ngày 1 tháng 1, hoá đơn này được gửi tới địa chỉ của bạn vào mỗi kỳ nộp thuế.

Đối với trường hợp ra khỏi công ty nên không thể thực hiện khấu trừ thuế thị dân và thuế môi trường rừng từ tiền lương, trường hợp người có nguồn thu nhập khác ngoài tiền lương, vui lòng tự thực hiện việc đóng thuế thông qua "Hoá đơn Thanh toán". "Hoá đơn Thanh toán" này do Cơ quan Thuế Thành phố gửi tới vào mỗi kỳ nộp thuế.

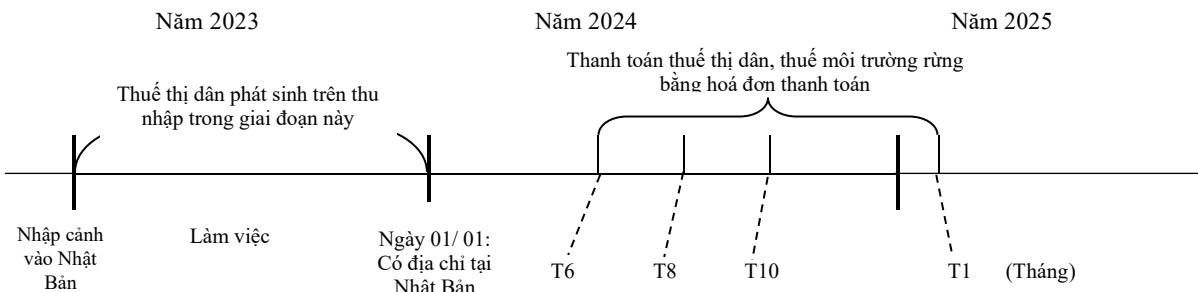
Thông thường, kỳ nộp thuế thị dân là tháng 6, tháng 8, tháng 10 và tháng 1 của năm sau.

<Ví dụ> Phương pháp tính thuế thị dân, thuế môi trường rừng cho năm tài khóa 2024 (từ tháng 4 năm 2024 đến tháng 3 năm 2025)

◇ Trường hợp thuế được khấu trừ từ tiền lương hàng tháng



◇ Trường hợp bạn tự mình nộp thuế



- ◆ Hãy đảm bảo bạn nộp thuế thị dân trước kỳ hạn nộp thuế. Phí nộp thuế quá kỳ hạn sẽ bị tính thêm vào nếu nộp thuế sau kỳ hạn.

Trong trường hợp không nộp thuế trước kỳ hạn, tài sản của bạn có thể sẽ bị tịch thu sau khi giấy "Giấy nhắc nhở" (TOKUSOKUJO) được gửi tới.

☆ Trong trường hợp bạn rời khỏi thành phố Nagoya

Bạn phải nộp phần thuế thị dân còn lại mà bạn có nghĩa vụ phải nộp cho Thành phố Nagoya. Chúng tôi sẽ gửi hoá đơn thanh toán tới địa chỉ mới đối với những người nộp thuế thông qua hoá đơn thanh toán. Phần thuế còn lại của những người nộp thuế thông qua hình thức khấu trừ từ tiền lương sẽ tiếp tục được khấu trừ từ tiền lương.

Yêu cầu

Trong trường hợp bạn rời khỏi Nhật Bản, bạn cần phải chỉ định "Người quản lý việc nộp thuế" (*NOZEI KANRININ*), hoặc trả trước phần thuế thị dân, thuế môi trường rừng còn lại mà bạn có nghĩa vụ phải trả cho Thành phố Nagoya. Đối với người nộp thuế thông qua phương thức khấu trừ thuế từ tiền lương hàng tháng, vui lòng thông báo tới công ty về việc khấu trừ phần thuế còn lại. Đối với người nộp thuế thông qua hoá đơn thanh toán, vui lòng yêu cầu nộp phần còn lại với Cơ quan Thuế Thành phố phụ trách Quận nơi bạn sinh sống.

Địa điểm nộp thuế

Thuế thị dân có thể được nộp tại các tổ chức tài chính như ngân hàng, bưu điện; cửa hàng tiện lợi hoặc Văn phòng Thuế Thành phố; Toà thị chính/ Chi nhánh Quận hoặc Toà thị chính Thành phố thông qua Hoá đơn thanh toán. Bạn cũng có thể nộp thuế từ nhà riêng qua máy tính hay smartphone.

Giấy Chứng nhận Nộp thuế và Giấy Chứng nhận thu nhập

Nếu bạn cần "Giấy Chứng nhận Nộp thuế" (*NOZEI SHOMEISHO*) và/ hoặc "Giấy Chứng nhận Thu nhập" (*SHOTOKU SHOMEISHO*) (Được phát hành dưới tên gọi "Giấy Chứng nhận Thuế Thị dân Tỉnh/ Thành phố/ Môi trường rừng" (*SHIMINZEI/ KENMINZEI/SHINRINKANKYO SHOMEISHO*) tại Thành phố Nagoya), vui lòng mang giấy tờ tùy thân có dán ảnh chân dung được cấp bởi cơ quan hành chính công tới Văn phòng Thuế Thành phố, Toà thị chính/ Chi nhánh Quận (nếu bạn cần giấy chứng nhận bằng tiếng Anh, vui lòng đến Văn phòng Thuế Thành phố phụ trách Quận nơi bạn sinh sống). Trong trường hợp yêu cầu cấp "Giấy Chứng nhận Nộp thuế" trong vòng 1 tuần kể từ sau khi nộp thuế, hãy mang theo biên lai nộp thuế thị dân.

Bạn phải trả phí 300 yên cho mỗi một bản sao của mỗi giấy chứng nhận.

Liên hệ

Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với Cơ quan Thuế Thành phố phụ trách Quận nơi bạn sinh sống thông qua một người có thể giao tiếp bằng tiếng Nhật.

Quận nơi bạn sinh sống	Số điện thoại	Cơ quan Thuế Thành phố phụ trách
Chikusa, Higashi	052-959-3303	Văn phòng Thuế Thành phố trụ sở Sakae (Tầng 8 Tòa nhà Trung tâm Phát thanh Truyền hình NHK) 1-13-3 Higashi Sakura, Higashi-ku, Nagoya-shi
Naka, Moriyama	052-959-3304	
Kita, Meito	052-959-3323	
Nishi	052-433-4021	Văn phòng Thuế Thành phố trụ sở Honjin (Tầng 4 Tòa nhà Tổ hợp văn phòng quận Nakamura) 1-23-1 Matsubara-cho, Nakamura-ku, Nagoya-shi
Nakamura, Minato	052-433-4022	
Nakagawa	052-433-4023	
Atsuta, Tempaku	052-324-9804	Văn phòng Thuế Thành phố trụ sở Kanayama (Toà nhà Meitetsu Masaki Daiichi) 3-5-33 Masaki, Naka-ku, Nagoya-shi
Showa, Minami	052-324-9805	
Mizuho, Midori	052-324-9828	

【Trung tâm quốc tế Nagoya (Một tổ chức vì lợi ích cộng đồng)】

SĐT: 052-581-0100 Trang web: <https://www.nic-nagoya.or.jp/>

Quầy thông tin của Trung tâm quốc tế Nagoya cung cấp dịch vụ tư vấn miễn phí cho người nước ngoài liên quan tới các thủ tục hành chính nói chung.

◆ Tư vấn hành chính cho người nước ngoài (ngôn ngữ có thể đáp ứng):

Tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Phi-líp-pin, tiếng Việt, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Thái

◆ Hỏi đáp trao đổi qua email

Tiếng Nhật, Tiếng Anh info@nic-nagoya.or.jp
Tiếng Bồ Đào Nha portugues@nic-nagoya.or.jp
Tiếng Tây Ban Nha espanol@nic-nagoya.or.jp
Tiếng Trung zhongwen@nic-nagoya.or.jp
Tiếng Indonesia indonesian@nic-nagoya.or.jp

Tiếng Hàn hangul@nic-nagoya.or.jp
Tiếng Phi-líp-pin filipino@nic-nagoya.or.jp
Tiếng Việt tieng-viet@nic-nagoya.or.jp
Tiếng Nepal nepali@nic-nagoya.or.jp
Tiếng Thái thai@nic-nagoya.or.jp

Nội dung của Giấy Báo cáo tính thuế

令和6年度 市民税・県民税・森林環境税 課税明細書

氏名

1 所得金額 (※この所得金額が0かマイナスの場合には「0」が記載され、後の総所得金額と一致しない場合があります。)

給与収入

公的年金等収入

2 課税となる所得金額 (千円未満切捨)

課税所得金額

3 算出所得割額

算出所得割額

4 算出所得割額から差し引く金額

調整控除額 (算出方法は下記参照)

税額控除額等 (内訳は下記参照)

配当割額控除額等 (算出方法は下記参照)

5 所得割額及び税額 (千円未満切捨)

所得割額

税額

6 納付していただく金額等

名古屋市民税減免条例による減免額

森林環境税減免額

合計税額 (年税額)

給与からの特別徴収税額及び納付確定済税額

公的年金からの特別徴収税額

特別徴収税額

7 差引納付額 (11 - 12 - 13 - 14)

配当割額控除額等 (算出方法は下記参照)

所得金額調整控除額の内訳 (算出方法は裏面参照)

所得金額調整控除額

Aは給与収入が850万円超で子育て世帯等の方、Bは給与所得と公的年金等の雑所得のいずれもある方について、給与所得から控除した額です。

3 調整控除額

課税所得金額

Aは上記①の金額、Bは人的控除ごとに定められた金額の合計です。人的控除ごとに定められた金額は裏面をご確認ください。

4 調整控除額の算出

A ≤ 200万円 のとき

A > 200万円 のとき

市民税

県民税

AとBのいずれか小さい金額の

4%

1%

4%

1%

調整控除額

この税額は令和5年中の所得に基づき計算したものです。この課税明細書は重要ですので大切に保管してください。

* Mẫu Giấy Báo cáo Tính thuế và Giấy Thông báo Nộp thuế này là tại thời điểm ngày 1 tháng 6 năm 2024.

Giấy Báo cáo Tính thuế cho thấy quá trình tính thuế thị dân của bạn.

Tổng thu nhập của năm trước tính từ tháng 1 đến tháng 12 (Số tiền được thể hiện theo đồng yên Nhật)

Khoản được khấu trừ

Là khoản tiền thuế của 1 năm phải nộp dựa trên Giấy Thông báo Nộp thuế được gửi tới cùng với Giấy Báo cáo Tính thuế này

Nội dung của Giấy Thông báo Nộp thuế

令和6年度 市民税・県民税・森林環境税 納税通知書

1 所得割額の内訳

所得割額

2 差引納付額の計算

市民税

県民税

3 算出所得割額

4 調整控除額

5 税額控除額等

6 配当割額控除額等

7 均等割額

8 名古屋市民税減免条例による減免額

9 森林環境税減免額

10 合計税額

11 給与からの特別徴収税額

12 公的年金からの特別徴収税額

13 特別徴収税額

14 納付確定済税額

15 差引納付額

16 納付控除額の内訳

本人控除の内訳

17 納付控除額

18 納付控除額

19 納付控除額

20 納付控除額

21 納付控除額

22 納付控除額

23 納付控除額

24 納付控除額

25 納付控除額

26 納付控除額

27 納付控除額

28 納付控除額

29 納付控除額

30 納付控除額

31 納付控除額

32 納付控除額

33 納付控除額

34 納付控除額

35 納付控除額

36 納付控除額

37 納付控除額

38 納付控除額

39 納付控除額

40 納付控除額

41 納付控除額

42 納付控除額

43 納付控除額

44 納付控除額

45 納付控除額

46 納付控除額

47 納付控除額

48 納付控除額

49 納付控除額

50 納付控除額

51 納付控除額

52 納付控除額

53 納付控除額

54 納付控除額

55 納付控除額

56 納付控除額

57 納付控除額

58 納付控除額

59 納付控除額

60 納付控除額

61 納付控除額

62 納付控除額

63 納付控除額

64 納付控除額

65 納付控除額

66 納付控除額

67 納付控除額

68 納付控除額

69 納付控除額

70 納付控除額

71 納付控除額

72 納付控除額

73 納付控除額

74 納付控除額

75 納付控除額

76 納付控除額

77 納付控除額

78 納付控除額

79 納付控除額

80 納付控除額

81 納付控除額

82 納付控除額

83 納付控除額

84 納付控除額

85 納付控除額

86 納付控除額

87 納付控除額

88 納付控除額

89 納付控除額

90 納付控除額

91 納付控除額

92 納付控除額

93 納付控除額

94 納付控除額

95 納付控除額

96 納付控除額

97 納付控除額

98 納付控除額

99 納付控除額

100 納付控除額

この税額は令和5年中の所得に基づき計算したものです。この課税明細書は重要ですので大切に保管してください。

Giấy Thông báo Nộp thuế này có thể được sử dụng thay cho Giấy Chứng nhận Thu nhập, v.v., vì vậy hãy lưu giữ cẩn thận.

Số tiền thuế từ Quý 1 ~ Quý 4: Vui lòng nộp các khoản thuế này trước thời hạn được ghi ở phía bên phải.

○ Cách tính số tiền thuế (cộng từ ① đến ③)

① Phần thuế thị dân được chia trung bình cho mỗi người nộp thuế

② Phần thuế thị dân được xác định dựa trên thu nhập

= (Thu nhập của năm trước - Phần khấu trừ thu nhập) × Thuế suất - Phần khấu trừ điều chỉnh - Phần khấu trừ tiền thuế

Phần thu nhập chịu thuế

③ Phần của thuế môi trường rừng

ベトナム語版

Tờ rơi này được in trên giấy tái chế có sử dụng bột giấy làm từ giấy đã qua sử dụng.

2024.10.500 税制課